

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bông

Ông Bùi Xuân Nghi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ C, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Trần Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Đình B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 30/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2022, thì bắt đầu phát sinh

nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B chơi bời dẫn đến nợ nần chồng chất, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Anh chị đã cố gắng nhiều lần nói chuyện với nhau và cho nhau thêm cơ hội nhưng mâu thuẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào khoảng năm 2023, vợ chồng đã ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, cũng không liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Đình B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Đình B được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng anh B không trình bày ý kiến, cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/5/2024, đại diện Ủy ban nhân dân xã T cho biết: khoảng đầu năm 2023, vợ chồng anh B, chị T xảy ra mâu thuẫn, hiện đã không sống cùng nhau nữa. Nguyên nhân là do làm ăn khó khăn, nảy sinh nợ nần nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau, còn mâu thuẫn cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T, cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

Về án phí: chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ yêu cầu đề nghị ly hôn của chị Trần Thị Thu T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống, hai anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện. Hai anh chị cũng đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân của chị T, anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh B.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về án phí: chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T. Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Đình B được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/23, số 0001657 ngày 12/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Thanh Tùng, H.Thanh Miện
(GCNKH 37, ngày 30/11/2018;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý